TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Lê Xuân Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Thế M, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, tổ B, ấp R, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023 quá trình tham gia tố tụng đến tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Thế M trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đặng Thế M và bà Nguyễn Thị Thanh H chung sống với nhau từ năm 2009. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên

cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, ông M thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Ông M không còn sống chung với bà H từ 02 năm nay. Ông M đang sống tại địa chỉ số A, tổ B, ấp R, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống ông M và bà H có 01 con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 03/9/2009. Khi ly hôn, ông M đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông M không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có ý kiến*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H thống nhất ý kiến với ông M về quá trình tìm hiểu nhau và kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn bình thường của đời sống vợ chồng. Bà H vẫn còn thương yêu chồng con nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà H và ông M có 01 con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 03/9/2009. Do không đồng ý ly hôn nên bà H không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bà H và ông M đã không sống chung từ khoảng 02 năm. Hiện nay, bà H và con chung là cháu H đang sống tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn là phù hợp với quy định của

pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và yêu cầu giao con chung tên Đặng Gia H cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn dựa trên sự tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 15 ngày 18/02/2009. Quá trình tham gia tố tụng đến tại phiên tòa, nguyên đơn xác nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2021. Nguyên đơn sống tại địa chỉ A, tổ B, ấp R, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị đơn sống tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Theo nguyên đơn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, bị đơn không đồng ý với các ý kiến kinh doanh, kế hoạch của nguyên đơn. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhiều năm, đến nay nguyên đơn cảm thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chứng minh. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác, nguyên đơn và bị đơn đã ly thân từ lâu, nhưng bị đơn không tích cực trong việc tìm cách hàn gắn với nguyên đơn để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở. Yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 03/9/2009.

Xét ý kiến của nguyên đơn yêu cầu giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu H hiện đang sống cùng bị đơn. Đồng thời cháu H có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên cần tiếp tục giao cháu H cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu H được phát triển toàn diện và tránh được sự ảnh hưởng tâm lý từ việc ly hôn của bố mẹ. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung; bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét buộc nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Đặng Thế M đối với bà Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Thế M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 03/9/2009.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Ông Đặng Thế M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số

AA/2021/0011382 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Nguyễn Minh Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Dung **Đinh Quang Minh** **Ngô Nguyễn Minh Sơn**